

Số: 424/HD-UBND

Lào Cai, ngày 29 tháng 01 năm 2019

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ công tác theo nguyện vọng để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2019 - 2020

Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ công tác theo nguyện vọng để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2019 – 2020 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND);

Để đảm bảo thống nhất triển khai Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND trên địa bàn toàn tỉnh, UBND tỉnh Lào Cai hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách như sau:

I. VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tại Khoản 1, Điều 2 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Lào Cai thực hiện theo Quy định số 10-QĐ/TU ngày 27/9/2016 của Tỉnh ủy Lào Cai về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ.

2. Đối tượng không áp dụng

Đối với giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi quy định tại Khoản 3, Điều 3 Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND: Nếu trong năm nghỉ thôi việc mà chưa đến thời điểm được cấp có thẩm quyền công nhận danh hiệu giáo viên dạy giỏi thì sử dụng thành tích của năm trước liền kề.

3. Điều kiện áp dụng:

Đối với điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy thực hiện theo các Kế hoạch của Tỉnh ủy gồm:

- Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 01/02/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp của Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

- Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 12/2/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII

về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ công tác theo nguyện vọng phải hướng tới thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của các Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 1/2/2018 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 12/2/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai, kế hoạch sắp xếp nhân sự của Tỉnh ủy hoặc thực hiện tinh giản biên chế theo chỉ tiêu giảm đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 2 Quy định kèm theo Nghị Quyết số 09/2018/NQ-HĐND được tính hỗ trợ tùy theo từng trường hợp nghỉ thôi việc ngay hoặc giám định sức khỏe đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi, cụ thể như sau:

1.1. Được hỗ trợ 03 tháng tiền lương cho mỗi năm (đủ 12 tháng) nghỉ công tác (nghỉ hưu hoặc nghỉ thôi việc) trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại Điểm a, Khoản 1, Điều 54 của Luật Bảo hiểm xã hội.

$$\left[\begin{array}{c} \text{Tiền hỗ trợ tính} \\ \text{cho thời gian} \\ \text{nghỉ công tác} \\ \text{trước tuổi quy} \\ \text{định} \end{array} \right] = \left[\begin{array}{c} \text{Số tháng được hỗ trợ} \\ \text{(tính theo thời gian} \\ \text{nghỉ trước tuổi quy} \\ \text{định)} \end{array} \right] \times \left[\begin{array}{c} \text{Tiền lương} \\ \text{tháng} \end{array} \right]$$

Tiền lương tháng được tính theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết.

Mức lương cơ sở để tính chế độ trước ngày 01/5/2016 là 1.150.000 đồng; từ ngày 01/5/2016 đến ngày 30/6/2017 là 1.210.000 đồng; từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018 là 1.300.000 đồng; từ ngày 01/7/2018 là 1.390.000 đồng.

Trường hợp thời gian nghỉ hưu trước tuổi có số tháng lẻ không đủ năm (12 tháng) tính theo quy định tại Khoản 4, Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết.

1.2. Được hỗ trợ 05 tháng tiền lương cho tổng số 20 năm đầu công tác có đóng BHXH;

$$\begin{array}{l} \text{Tiền hỗ trợ cho 20} \\ \text{năm đầu công tác} \\ \text{đóng BHXH} \end{array} = 05 \times \begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{tháng} \end{array}$$

1.3. Được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng BHXH (đủ 12 tháng) kể từ năm thứ hai mươi một trở đi;

$$\left[\begin{array}{c} \text{Tiền hỗ trợ do có} \\ \text{trên 20 năm đóng} \\ \text{BHXH} \end{array} \right] = \left[\begin{array}{c} \text{Số năm được hỗ trợ} \\ \text{(tính từ năm thứ 21} \\ \text{trở đi có đóng} \\ \text{BHXH)} \end{array} \right] \times \left[\begin{array}{c} 1/2 \text{ Tiền lương} \\ \text{tháng} \end{array} \right]$$

1.4. Ngoài ra, các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 2 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND còn được hỗ trợ thêm như sau:

a. Đối với các trường hợp đi giám định sức khỏe đủ điều kiện nghỉ hưu ngay: Được hỗ trợ bù phần chênh lệch lương hưu bị trừ tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi.

$$\left[\begin{array}{c} \text{Số tiền} \\ \text{hỗ trợ} \end{array} \right] = \left[\begin{array}{c} \text{Mức bình} \\ \text{quân tiền} \\ \text{lương tháng} \\ \text{đóng} \\ \text{BHXH} \end{array} \right] \times \left[\begin{array}{c} \text{Tỷ lệ \%} \\ \text{lương hưu} \\ \text{bị trừ (do} \\ \text{nghỉ hưu} \\ \text{trước tuổi} \\ \text{quy định)} \end{array} \right] \times 12 \text{ tháng} \times 30 \text{ năm}$$

- Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH (M_{bqt}) được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Nghị quyết.

- Tỷ lệ phần trăm lương hưu bị trừ (do nghỉ hưu trước tuổi quy định) được tính theo quy định tại Khoản 3, Điều 56 của Luật Bảo hiểm xã hội.

b. Đối với trường hợp nghỉ thôi việc:

- Được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định chế độ thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Được hỗ trợ tiền đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đến khi đủ tuổi hưởng chế độ hưu trí.

$$\left[\begin{array}{c} \text{Số tiền} \\ \text{hỗ trợ} \end{array} \right] = \left[\begin{array}{c} \text{Tiền lương} \\ \text{tháng đóng} \\ \text{BHXH, BHYT} \end{array} \right] \times 26,5\% \times \left[\begin{array}{c} \text{Số tháng nghỉ chờ} \\ \text{đủ tuổi hưởng chế} \\ \text{độ hưu trí} \end{array} \right]$$

Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT được tính theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Nghị quyết.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn D 56 tuổi 8 tháng, Giám đốc Sở B, có đơn xin nghỉ công tác trước tuổi so với quy định từ ngày 01/02/2019 do thực hiện công tác nhân sự theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, có thời gian công tác đóng BHXH là 34 năm 4 tháng (20 năm + 14 năm 4 tháng), hệ số lương ngạch bậc hiện hưởng theo ngạch Chuyên viên chính, mã số 01.002, bậc 7, hệ số 6,44 từ ngày 01/01/2018. Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo của ông D là 0,9.

- Tiền lương tháng để tính hỗ trợ cho ông D được tính bằng bình quân tiền lương thực lĩnh của 5 năm cuối (60 tháng) kể từ ngày 01/02/2014 đến ngày 31/01/2019.

- Diễn biến tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ của ông D từ ngày 01/02/2014 đến ngày 31/01/2019 như sau:

+ Từ ngày 01/02/2014 đến ngày 31/12/2015 (11 tháng), hưởng lương mã ngạch 01.002, bậc 5 (5,76), hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,9. Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ là: $(5,76 + 0,9) \times 1.150.000 = 7.659.000$ đồng;

+ Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/4/2016 (16 tháng), hưởng lương mã ngạch 01.002, bậc 6 (6,10), hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,9. Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ là: $(6,10 + 0,9) \times 1.150.000 = 8.050.000$ đồng;

+ Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 30/6/2017 (14 tháng), hưởng lương mã ngạch 01.002, bậc 6 (6,10), hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,9. Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ là: $(6,10 + 0,9) \times 1.210.000 = 8.470.000$ đồng;

+ Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017 (06 tháng), hưởng lương mã ngạch 01.002, bậc 6 (6,10), hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,9. Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ là: $(6,10 + 0,9) \times 1.300.000 = 9.100.000$ đồng;

+ Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (06 tháng), hưởng lương mã ngạch 01.002, bậc 7 (6,44), hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,9. Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ là: $(6,44 + 0,9) \times 1.300.000 = 9.542.000$ đồng;

+ Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 30/2/2019 (07 tháng), hưởng lương mã ngạch 01.002, bậc 7 (6,44), hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,9. Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ là: $(6,44 + 0,9) \times 1.390.000 = 10.202.600$ đồng;

- Tiền lương tháng để tính hỗ trợ nghỉ công tác cho ông D là: $(7.659.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} + 8.050.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng} + 8.470.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} + 9.100.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} + 9.542.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} + 10.202.600 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng}) / 60 = 8.581.653$ đồng/tháng.

- Số năm đóng BHXH để tính hỗ trợ làm tròn là 34,5 năm.

- Số năm ông D nghỉ công tác trước tuổi so với quy định là:

60 năm – 56 tuổi 8 tháng = 3 năm 4 tháng

=> Số tháng tiền lương ông D được nhận hỗ trợ là: $3 \times 3 + 3/2 = 10,5$ tháng.

Ông D được hỗ trợ:

(1.1). Hỗ trợ do nghỉ công tác trước tuổi: $10,5 \text{ tháng} \times 8.581.653 \text{ đồng} = 90.107.000$ đồng;

(1.2). Hỗ trợ cho 20 năm đầu công tác đóng BHXH: $05 \text{ tháng} \times 8.581.653 \text{ đồng} = 42.908.000$ đồng;

(1.3). Hỗ trợ do có trên 20 năm công tác đóng BHXH (14 năm 4 tháng) là: $14,5 \text{ năm} \times 1/2 \times 8.581.653 \text{ đồng} = 62.217.000$ đồng.

Ngoài ra, ông D được hỗ trợ thêm như sau:

(1.4a). Trường hợp 1: Ông D đi giám định sức khỏe đủ điều kiện nghỉ hưu ngay:

Số tiền hỗ trợ bù phần chênh lệch lương hưu bị trừ tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi.

$$\text{Số tiền hỗ trợ} = \left(\begin{array}{l} \text{Mức bình} \\ \text{quân tiền} \\ \text{lương tháng} \\ \text{đóng} \\ \text{BHXH} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phần} \\ \text{trăm lương hưu} \\ \text{bị trừ (do nghỉ} \\ \text{hưu trước tuổi} \\ \text{quy định)} \end{array} \right) \times 12 \text{ tháng} \times 30 \text{ năm}$$

- Mức lương cơ sở tại thời điểm tính mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH là 1.390.000 đồng.

- Tiền lương tháng đóng BHXH của 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu là:
 $[(5,76+0,9) \times 11 + (6,10 +0,9) \times 36 + (6,44+0,9) \times 13] \times 1.390.000 = 584.745.200$ đồng.

Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH (M_{bqtl}) là:

$$M_{bqtl} = 584.745.200 \text{ đồng} / 60 \text{ tháng} = 9.745.753 \text{ đồng.}$$

- Tỷ lệ phần trăm lương hưu bị trừ (do nghỉ hưu trước tuổi 3 năm 4 tháng) là: $3 \times 2 + 1 = 7\%$.

Ông D được nhận số tiền hỗ trợ bù phần chênh lệch lương hưu bị trừ tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi là:

$$9.745.753 \text{ đồng} \times 7\% \times 12 \text{ tháng} \times 30 \text{ năm} = 245.593.000 \text{ đồng.}$$

(1.4b). Trường hợp 2: Ông D nghỉ thôi việc:

- Ông D được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP quy định chế độ thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức: $1/2 \times (6,44+0,9) \times 1.390.000 \times 34,5 = 175.995.000$ đồng.

- Số tiền hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đến khi đủ tuổi hưởng chế độ hưu trí.

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{hỗ trợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{tháng đóng} \\ \text{BHXH, BHYT} \end{array} \times 26,5\% \times \begin{array}{l} \text{Số tháng nghỉ chờ} \\ \text{đủ tuổi hưởng chế} \\ \text{độ hưu trí} \end{array}$$

Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT là:

$$(6,44+0,9) \times 1.390.000 = 10.202.600 \text{ đồng}$$

Số tháng nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu là: 3 năm 4 tháng = 40 tháng.

Số tiền ông D được hỗ trợ để đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đến khi đủ tuổi hưởng chế độ hưu trí là:

$$10.202.600 \text{ đồng} \times 26,5\% \times 40 \text{ tháng} = 108.148.000 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền ông D được nhận là:

* **Trường hợp 1:** Ông D đi giám định sức khỏe đủ điều kiện nghỉ hưu ngay là: (1.1) + (1.2) + (1.3) + (1.4a)

$$90.107.000 + 42.908.000 + 62.217.000 + 245.593.000 = 440.825.000 \text{ đồng.}$$

* **Trường hợp 2:** Ông D nghỉ thôi việc là: (1.1) + (1.2) + (1.3) + (1.4b)

$$90.107.000 + 42.908.000 + 62.217.000 + 175.995.000 + 108.148.000 = 479.375.000 \text{ đồng.}$$

2. Các đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 2 Quy định kèm theo Nghị Quyết số 09/2018/NQ-HĐND được tính hỗ trợ thôi việc như sau:

2.1. Được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định của Trung ương:

- Đối với công chức cấp tỉnh, huyện: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định chế độ thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.

- Đối với công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 29, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về Công chức xã, phường, thị trấn.

- Đối với viên chức: Thực hiện theo quy định tại Mục 5, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ: Thực hiện theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2012.

Ngoài ra, chế độ bảo hiểm xã hội thực hiện theo các quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành.

2.2 Được hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng làm việc có đóng BHXH nhưng tối đa không quá 180.000.000 đồng/người.

Số tiền hỗ trợ = 500.000 đồng x Số tháng làm việc có đóng BHXH

Ví dụ 2a: Ông Phạm Văn G, 53 tuổi 7 tháng, công chức phòng Giáo dục và Đào tạo huyện A, được giải quyết thôi việc ngay từ ngày 01/01/2019 theo Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND, có hệ số lương ngạch 01.003, bậc 9 (4,98) từ ngày 01/3/2018, có thời gian công tác đóng BHXH là 31 năm 2 tháng.

(2.1a) Được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc theo Quy định tại Nghị định 46/2010/NĐ-CP:

- Số năm công tác đóng BHXH là 31 năm 2 tháng được làm tròn là 31 năm

- Tiền lương tháng hiện hưởng là: $4,98 \times 1.390.000 = 6.922.200$ đồng

Số tiền trợ cấp thôi việc ông G được hưởng là:

$1/2 \times 31 \text{ năm} \times 6.922.200 \text{ đồng} = 107.294.000 \text{ đồng}$.

(2.2a) Được hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng làm việc có đóng BHXH:

- Ông G có thời gian công tác đóng BHXH là 31 năm 2 tháng = 374 tháng.

Số tiền hỗ trợ tính cho thời gian công tác đóng BHXH là:

$500.000 \text{ đồng} \times 374 \text{ tháng} = 187.000.000 \text{ đồng} > 180.000.000 \text{ đồng}$.

=> Số tiền hỗ trợ cho thời gian công tác đóng BHXH của ông G là 180.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông G được nhận là: (2.1a) + (2.2a)

$107.294.000 \text{ đồng} + 180.000.000 \text{ đồng} = 287.294.000 \text{ đồng}$.

Ví dụ 2b: Bà Trần Thị C, 34 tuổi 5 tháng, viên chức hành chính thuộc Trường Cao đẳng M, được giải quyết thôi việc ngay từ ngày 01/01/2019 theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND, có hệ số lương ngạch 01.003, bậc 4 (3,33) từ ngày 01/8/2018. Thời gian công tác đóng BHXH là 12 năm, kể từ ngày 01/01/2007; đóng BHTN liên tục từ ngày 01/01/2009.

(2.1b) Được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc theo Quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP:

- Số năm công tác đóng BHXH từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2008 là 2 năm; Số năm công tác đóng BHXH từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2018 là 10 năm.

- Tiền lương tháng hiện hưởng là: $3,33 \times 1.390.000 = 4.628.700$ đồng

- Mức lương bình quân tiền lương của 06 tháng liền kề đóng BHTN trước khi nghỉ thôi việc:

$[(3,00 \times 1 \text{ tháng} \times 1.390.000 \text{ đồng}) + [(3,33 \times 5 \text{ tháng} \times 1.390.000 \text{ đồng})] / 06 \text{ tháng} = 4.552.25$ đồng.

=> Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng là:

$4.552.25 \text{ đồng} \times 60\% = 2.731.35$ đồng

Số tiền trợ cấp của bà C là:

$1/2 \times 2 \text{ năm} \times 4.628.700 \text{ đồng} + 10 \text{ tháng} \times 2.731.35 \text{ đồng} = 31.942.000$ đồng

(2.2b) Được hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng làm việc có đóng BHXH:

- Bà C có thời gian công tác đóng BHXH là 12 năm = 144 tháng.

Số tiền hỗ trợ tính cho thời gian công tác đóng BHXH là:

$500.000 \text{ đồng} \times 144 \text{ tháng} = 72.000.000 \text{ đồng} < 180.000.000 \text{ đồng}$.

=> Số tiền hỗ trợ cho thời gian công tác đóng BHXH của ông G là 72.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà C được nhận là: (2.1b) + (2.2b)

$31.942.000 \text{ đồng} + 72.000.000 \text{ đồng} = 103.942.000 \text{ đồng}$.

3. Các đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 2 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND được tính hỗ trợ thôi làm nhiệm vụ như sau:

Được hỗ trợ 01 lần từ ngân sách tỉnh với mức hỗ trợ 700.000 đồng/người/tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng.

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn A, 45 tuổi 8 tháng, Bí thư Đảng ủy xã M, được xếp lương chức vụ theo Bảng lương Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, bậc 2, hệ số 2,85, có nguyện vọng thôi làm nhiệm vụ kể từ ngày 01/3/2019. Ông A có thời gian công tác đóng Bảo hiểm xã hội 11 năm 2 tháng (134 tháng).

Số tiền hỗ trợ tính cho 134 tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội là:
700.000 đồng x 134 tháng = 93.800.000 đồng < 150.000.000 đồng
=> Số tiền hỗ trợ ông A được nhận là: 93.800.000 đồng.

III. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách hỗ trợ,

Các cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách hỗ trợ CBCCVN nghỉ công tác theo nguyện vọng, hồ sơ bao gồm:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị (nêu cụ thể tình hình tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự của đơn vị theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, kết quả thực hiện đến thời điểm thực hiện chính sách của tỉnh,..).

(2) Đơn xin nghỉ công tác

Đối tượng tại Khoản 1, Điều 2 của Quy định phải nêu rõ nguyện vọng giám định sức khỏe đề nghị hưu trước tuổi hoặc thôi việc ngay (theo mẫu 02);

(3) Biểu danh sách, kèm theo dự toán kinh phí chi trả chế độ (theo Biểu mẫu 1a, 1b);

(4) Bản phô tô sổ BHXH.

(5) Bản kê khai quá trình công tác đóng BHXH có xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác và cơ quan BHXH (theo mẫu 03; cán bộ cấp xã thôi làm nhiệm vụ không phải kê khai theo mẫu này).

Riêng đối tượng tại Khoản 1, Điều 2 của Quy định nếu có nguyện vọng giám định sức khỏe đề nghị hưu ngay theo Luật BHXH thì phải bổ sung thêm:

- Hồ sơ Kết quả giám định sức khỏe đủ điều kiện nghỉ hưu ngay.

- Các Quyết định nâng bậc lương, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề, phụ cấp chênh lệch bảo lưu; Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; Quyết định luân chuyển, biệt phái, kỷ luật, (nếu có) trong thời gian 5 năm (60 tháng) cuối tính đến thời điểm nghỉ công tác hoặc thôi việc ngay hoặc thôi làm nhiệm vụ.

2. Quy trình thực hiện giải quyết chính sách hỗ trợ

2.1. Các đối tượng tại Khoản 1, Điều 2 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan khối Nhà nước:

Thực hiện chính sách theo trình tự sau:

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố gửi hồ sơ đề nghị về Sở Nội vụ (bao gồm cả kết quả giám định sức khỏe đối với trường hợp có nguyện vọng nghỉ hưu ngay).

- Sở Nội vụ báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt.

- Sau khi có Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Nội vụ thẩm định kinh phí hỗ trợ đồng thời tham mưu trình UBND tỉnh quyết định cho CBCCVV nghị công tác theo nguyện vọng, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh giao kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ.

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan khối Đảng, Đoàn thể:

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội cấp tỉnh; các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy gửi hồ sơ đề nghị về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (bao gồm cả kết quả giám định sức khỏe đối với trường hợp có nguyện vọng nghỉ hưu ngay).

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định; sau khi có quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ, gửi Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh quyết định giao kinh phí thực hiện chính sách.

2.2. Các đối tượng quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 2 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND:

- Căn cứ đơn xin nghỉ công tác của cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố lập hồ sơ, tính toán kinh phí thực hiện chính sách đề nghị gửi Sở Nội vụ; các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội cấp tỉnh, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lập hồ sơ, tính toán kinh phí thực hiện chính sách gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ thẩm định đối tượng, kinh phí thực hiện, tổng hợp gửi Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Căn cứ quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành Quyết định nghỉ công tác theo nguyện vọng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Chính sách hỗ trợ được tổng hợp thực hiện định kỳ hàng tháng.

- Thời gian Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ thực hiện chế độ, chính sách từ các cơ quan, đơn vị chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng.

- Thời gian Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ (đối tượng và kinh phí thực hiện), tổng hợp gửi Sở Tài chính không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

- Sở Tài chính cân đối nguồn kinh phí, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí giải quyết chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức trước ngày 25 hàng tháng.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp, thẩm định trình Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy cán bộ, công chức, viên chức diện Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy quản lý tại kỳ họp gần nhất.

Ghi chú: Những hồ sơ gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết chính sách sau ngày 10 chuyển tiếp sang tháng sau liền kề.

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

- Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách tỉnh (từ quỹ tiền lương, định mức chi thường xuyên của các đối tượng nghỉ thôi việc; nguồn tăng thu ngân sách địa phương sau khi trừ 50% tạo nguồn cải cách tiền lương).

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn tài chính của đơn vị.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

- Chủ trì tham mưu giúp UBND tỉnh hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện chính sách.

- Chịu trách nhiệm thẩm định đối tượng, kinh phí thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc các cơ quan khối nhà nước, CBCC cấp xã.

- Hàng năm, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết của các cơ quan khối nhà nước gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Chịu trách nhiệm thẩm định đối tượng, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng thuộc Khối Đảng, Đoàn thể.

- Hàng năm, tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết của các cơ quan khối Đảng, Đoàn thể gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo HĐND tỉnh; Chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND hàng năm, báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Tham mưu cân đối nguồn kinh phí, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định Nghị quyết.

- Hướng dẫn việc quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định hiện hành.

4. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Giải quyết chế độ, chính sách Bảo hiểm xã hội cho các đối tượng theo đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc xác nhận thời gian đóng BHXH cho các đối tượng thực hiện chính sách hỗ trợ.

5. Trách nhiệm của Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh; các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng nghi công tác theo nguyện vọng để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2019 – 2020 ban hành theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng.

- Tổ chức xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng nghi công tác đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn; lập hồ sơ, dự toán kinh phí thực hiện chế độ gửi cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Quyết định theo thẩm quyền sau khi UBND tỉnh phê duyệt danh sách, kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ.

- Chi trả kịp thời chế độ hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng nghi công tác theo nguyện vọng để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2019 – 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ thực hiện. Trong quá trình thực hiện chính sách, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) nghiên cứu, xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức Chính trị - Xã hội cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy;
- Các đơn vị sự nghiệp UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC2.

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

Mẫu số 02



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NGHỈ CÔNG TÁC
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 09/2018/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH LÀO CAI

- Kính gửi: - Ban Lãnh đạo cơ quan, đơn vị công tác;
 - Ban Tổ chức Tỉnh ủy/Sở Nội vụ;
 -

Tôi tên là:.....

Sinh ngày:.....

Chức vụ/chức danh, đơn vị công tác:

Trình độ chuyên môn cao nhất:

Ngạch (CDNN)..... Bạc lương:.....Hệ số:

Tổng thời gian công tác đóng BHXH (năm):

Ngày, tháng, năm bổ nhiệm/ bổ nhiệm lại (nếu có):

Đánh giá xếp loại trong 3 năm gần nhất:

Danh hiệu thi đua trong 3 năm gần nhất:

Hình thức xin nghỉ công tác :

Giám định sức khỏe để nghỉ hưu ngay

Nghỉ thôi việc

Thôi làm nhiệm vụ

Thời điểm xin nghỉ công tác:

Ngày tháng năm 20....

NGƯỜI VIẾT ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHIẾU KÊ KHAI CÁ NHÂN

- Kính gửi: - Ban Lãnh đạo cơ quan, đơn vị công tác;
 - Ban Tổ chức Tỉnh ủy (Sở Nội vụ);
 - Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai;
 -

Tôi tên là:.....
Sinh ngày:.....
Chức vụ/chức danh, đơn vị công tác:
Trình độ chuyên môn:

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CÓ ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Chức vụ, chức danh nghề nghiệp, đơn vị công tác	Thời gian đóng BHXH		Mức lương hoặc hệ số đóng BHXH			
			Năm	Tháng	Hệ số	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề

- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT (áp dụng cho đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 2 Nghị quyết):
- Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH (áp dụng cho đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 2 Nghị quyết):
- Mức lương bình quân tiền lương của 06 tháng liền kề đóng Bảo hiểm thất nghiệp trước khi nghỉ (nếu có):.....
- Mức hưởng BHTN hàng tháng (nếu có):

GIÁM ĐỐC BHXH
(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
NGƯỜI KÊ KHAI

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CBCCVV
DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ TỰ NGUYỆN XIN NGHỈ CÔNG TÁC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 09/2018/NQ-HĐND
 (Kèm theo Công văn số: / , ngày tháng năm 2019 của.....)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Phụ cấp nguyên tắc trong 5 năm cuối trước khi nghỉ		Phụ cấp chức vụ		Phụ cấp thâm niên vượt khung		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Tiền lương tháng để tính trợ cấp	Bình quân tiền lương tháng đóng BHXH	Số năm nghỉ công tác trước tuổi	Số năm công tác đóng BHXH	Thời điểm nghỉ	Kinh phí thực hiện					Tổng kinh phí			
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hỗ trợ cho thời gian nghỉ công tác trước tuổi	Hỗ trợ do có đủ 20 năm công tác đóng BHXH	Hỗ trợ do có trên 20 năm đóng BHXH	Nghỉ hưu ngay		Nghỉ thôi việc		Nghỉ hưu ngay	Nghỉ thôi việc
																						Hỗ trợ phần bù CL lương hưu	Trợ cấp thôi việc	Hỗ trợ tiền tự đóng BHXH, BHYT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	

Ghi chú: - Cột 26 = Cột 20+ cột 21 + Cột 22 +Cột 23
 - Cột 27 = Cột 20 + Cột 21 + Cột 22+ Cột 24 + Cột 25



**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CBCCVV
 NGHỈ THÔI VIỆC NGAY THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 09/2018/NQ-HĐND**

(Kèm theo Công văn số: / , ngày tháng năm 2019 của.....)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Lương ngạch, bậc trong 5 năm cuối trước khi nghỉ		Phụ cấp chức vụ		Phụ cấp thâm niên vượt khung		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Số tháng làm việc có đóng BHXH	Thời điểm nghỉ	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cccv thôi việc ngay			Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với CB cấp xã thôi làm nhiệm vụ	Ghi chú
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Hệ số	Thời điểm hưởng	Trợ cấp thôi việc		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		18	19	20